

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn
trên địa bàn xã Trường Tân tính đến ngày 20/5/2026**
((Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND))

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	Tổng	9,427	2,357	31,454	2,456	0	48	32	
I	ĐỐI VỚI XÃ TRƯỜNG TÂN								
1	Thôn Cầu Lâm	282	70.50	930	83.46		2	1	
2	Thôn Quang Bị	301	75.25	982	87.93		2	1	
3	Thôn Côi Thượng	278	69.50	949	76.81		2	1	
4	Thôn Côi Hạ	280	70.00	1006	78.55		2	1	
5	Thôn Nam Cầu 1	397	99.25	1314	115.68		2	1	
6	Thôn Nam Cầu 2	373	93.25	1297	118.59		2	1	
7	Thôn Cao Duệ	1215	303.75	3,850	258.57		2	2	
8	Thôn Thị Đức	402	100.50	1,331	104.89		2	2	
9	Thôn Đông Trại	281	70.25	923	61.66		2	1	
10	Thôn Đông Hạ	258	64.50	850	75.77		2	1	
11	Thôn Đông Thượng	277	69.25	847	76.56		2	1	
12	Thôn Quang Tiên	149	37.25	467	54.80		2	1	
13	Thôn Vĩnh Duệ	331	82.75	1100	80.90		2	1	
14	Thôn An Thư	587	146.75	1850	110.6		2	2	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	Thôn Đôn Thư	286	71.50	956	60.70		2	1	
16	Thôn An Vệ	429	107.25	1477	122.78		2	2	
17	Thôn An Cư 1	486	121.50	1753	200.29		2	2	
18	Thôn An Cư 2	452	113.00	1527	136.78		2	1	
19	Thôn Thọ Xương	390	97.50	1388	150.23		2	2	
20	Thôn Minh Tân	492	123.00	1742	104.40		2	2	
21	Thôn Đông Hào	456	114.00	1538	96.35		2	1	
22	Thôn Đông Cầu	248	62.00	837	65.40		2	1	
23	Thôn Hậu Bông	426	106.50	1381	59.70		2	1	
24	Thôn Đỗ Xuyên	351	87.75	1159	74.2		2	2	

Ghi chú: Thôn dự kiến có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố dự kiến có từ 550 hộ trở lên.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

PHỤ LỤC 1A

**Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn
trên địa bàn xã Trường Tân**

((Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND))

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn/ tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	XÃ TRƯỜNG TÂN	9,427	31,454	3,825	24	1	5	10	9	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Trường Tân

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Trường Tân)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/ tổ dân phố	Các tổ chức tại thôn, TDP																			Ghi chú		
			Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố									Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố												
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó										Số sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23		
1	xã Trường Tân	14	168	24	24	24	24	24	24	24	0	24	98	14	14	14	14	14	14	14	0	14	-70	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Văn Mai	1960		1	Bí thư kiêm trưởng ban CTMTT	2,9				1					1
2	Đào Quang Đại	10/1/1985		1	Trưởng thôn	1,6		1					1		
	Công:	48	7	48			0	8	16	22	1	3	7	0	2

	Đỗ Văn Lại	1962		1	Thôn đội trưởng	1.0				1			1	Không hưởng chế độ gì
12	Quang Tiên													
	Phạm Văn Tâm	20/8/1958		1	Thôn đội trưởng	1.0				1			1	Không hưởng chế độ gì
13	Vĩnh Duệ													
	Trương Đình Thản	01/01/1962		1	Thôn đội trưởng	1.0				1			1	Không hưởng chế độ gì
14	An Thư													
	Vũ Quang Học	29/12/1949		1	Phó Thôn	1.0				1			1	Không hưởng chế độ gì
	Trần Thanh San	1/1/1957			Thôn đội trưởng	1.0				1				Không hưởng chế độ gì
15	Đôn Thư													
	Nguyễn Tiến Dũng	21/9/1961		1	Thôn Đội trưởng	1.0				1			1	Không hưởng chế độ gì
16	Thôn An Vệ													
	Nguyễn Văn Đua	16/6/1984		1	Phó Thôn	1.0		1					1	Không hưởng chế độ gì
	Phạm Thanh Xuân	2/4/1963		1	Thôn Đội trưởng	1.0				1		1		<i>Hưu trí</i>
17	Thôn An Cư 1													
	Phạm Thị Căn	10/4/1970	1	1	Phó thôn	1.0			1				1	Không hưởng chế độ gì

	Vũ Thị Nhâm	11/11/1981	1	1	Phó thôn,	1.0		1						1	Không hưởng chế độ gì
	Nguyễn Văn Đô	19/10/1963		1	Thôn Đội trưởng	1.0				1					Không hưởng chế độ gì
	Tổng số	32	3	25		32	1	7	7	17	0	1	5	19	

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3B phải thống nhất với số lượng tại cột số 08 Phụ lục số 1A

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trường Tân
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND Trường Tân)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐỐI VỚI XÃ TRƯỜNG TÂN: Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 24 thôn thành 14 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 10 thôn											
1	Cầu Lâm	282	930	83.46	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Cầu Lâm với thôn Quang Bị để thành lập thôn Phạm Trấn	583	1,912	171.39	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	145.75
	Quang Bị	301	982	87.93							
2	Nam Cầu 01	397	1314	115.68	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Nam Cầu 01 với thôn Nam Cầu 02 để thành lập thôn Nam Cầu	770	2,611	234.27	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	192.50
	Nam Cầu 02	373	1297	118.59							
3	Côi Thượng	278	949	76.81	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Côi Thượng với thôn Côi Hạ để thành lập thôn Quỳnh Côi	558	1955	155.36	02 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; có quy mô dưới 100% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	139.50
	Côi Hạ	280	1006	78.55							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
4	Đông Thượng	277	847	76.56	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đông Trại với thôn Đông Thượng thành lập Thôn Đông Quang	535	1,697	152.33	3 Nhà văn hóa	3 thôn liền kề nhau, có quy mô từ dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	133.75
	Đông Hạ	258	850	75.77							
5	Đông Trại	281	923	61.66	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Vinh Duệ với thôn Quang Tiền thành lập Thôn Đông Quang	761	2,490	197.36	03 Nhà văn hóa	03 thôn liền kề nhau, có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	190.25
	Vinh Duệ	331	1100	80.9							
	Quang Tiền	149	467	54.8							
6	Đôn Thụ	286	956	60.7	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đôn Thụ với thôn An Vệ thành lập thôn Quang Đức	715	2,433	183.48	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	178.75
	An Vệ	429	1477	122.78							
7	Đông Cầu	248	837	65.4	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đông Cầu với thôn Đông Hào thành lập thôn Quang Minh Đông	704	2,375	161.75	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	176.00
	Đông Hào	456	1538	96.35							
8	Đỗ Xuyên	351	1159	74.2	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đỗ Xuyên với thôn Hậu Bồng thành lập thôn Quang Minh	777	2540	133.90	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	194.25
	Hậu Bồng	426	1381	59.7							
9	Thọ Xương	390	1388	150.23	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Thọ Xương với thôn An	842	2015	287.01	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, 01 thôn có quy mô dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	210.50

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	An Cư 02	452	1527	136.78	Xương với thôn An Cư 02 thành lập thôn An Thọ	452	1527	207.01	02 Nhà Văn hoá	Quy định, phong tục tập quán, các yêu cầu văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	210.50
10	An Cư 01	486	1753	200.29	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Đổi tên thành thôn Đức Xương	486	1753	200.29	01 Nhà Văn hoá	Thôn bảo đảm tiêu chí có từ 400 hộ trở lên theo định hướng của Bộ Nội vụ	121.50
11	Minh Tân	492	1742	104.4	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn Minh Tân	492	1742	104.4	01 Nhà Văn hoá	Thôn bảo đảm tiêu chí có từ 400 hộ trở lên theo định hướng của Bộ Nội vụ	123.00
12	An Thư	587	1850	110.6	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn An Thư	587	1850	110.6	01 Nhà Văn hoá	Thôn bảo đảm tiêu chí có từ 400 hộ trở lên theo định hướng của Bộ Nội vụ	146.75
13	Cao Duệ	1,215	3850	258.57	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn Cao Duệ	1,215	3850	258.57	01 Nhà Văn hoá	Thôn bảo đảm tiêu chí có từ 400 hộ trở lên theo định hướng của Bộ Nội vụ	962.50
14	Thị Đức	402	1331	104.89	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn Thị Đức	402	1331	104.89	01 Nhà Văn hoá	Thôn bảo đảm tiêu chí có từ 400 hộ trở lên theo định hướng của Bộ Nội vụ	100.50

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

**PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND Trường Tân)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
A	1	2	3	4	5	6	9
		0	0.00				100% các thôn trên địa bàn sau sắp xếp đảm bảo các quy định

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn/tổ dân phố sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Trường Tân
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Trường Tân)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn/ tổ dân phố tiến hành sắp xếp				Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp				Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa dôi dư	Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó quy mô			Tổng số	Trong đó quy mô			Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên								
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên	Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%										Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Trường Tân	24	19	1	4	10	4	14	0	0	0	14	8	1	0	0	10	30	20	Không dôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

**PHỤ LỤC 6B
TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**

(K/Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Trường Tân)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
1		0	0								
		0	0							100% các thôn trên địa bàn sau sắp xếp đảm bảo quy định	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRƯỜNG TÂN**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Trường Tân
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Trường Tân)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng đối dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19	20
1	Cầu Lâm	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Cầu Lâm với thôn Quang Bị để thành lập thôn Phạm Trần	4	2	2	0	0	0	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, dự kiến lấy Nhà văn hóa thôn Quang Bị làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1; 02 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt thể thao của thôn mới	
	Quang Bị												
2	Nam Cầu 01	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Nam Cầu 01 với thôn Nam Cầu 02 để thành lập thôn Nam Cầu	2	2	0	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trong đó dự kiến lấy Nhà Văn hóa thôn Nam Cầu 2 làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1	
	Nam Cầu 02												
3	Côi Thượng	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Côi Thượng	4	2	2	0	0	0	4	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, trong đó dự kiến lấy Nhà Văn hóa thôn Côi Hạ làm điểm sinh hoạt	

3	Côi Hạ	với thôn Côi Hạ để thành lập thôn Quỳnh Côi	+	2	2	0	0	0	+	0	0	văn hóa số 1; 02 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt thể thao công cộng của thôn;
4	Đông Thượng	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đông Trại với thôn Đông Thượng thành lập Thôn Đông Quang	3	2	1	0	0	0	3	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, trong đó dự kiến lấy Nhà văn hóa thôn Đông Thượng làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1; 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt thể thao của thôn mới;
	Đông Hạ											
5	Đông Trại	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Vĩnh Duệ với thôn Quang Tiên thành lập Thôn Đồng Quang	3	3	0	0	0	0	3	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 03 nhà văn hóa, để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trong đó dự kiến lấy Nhà văn hóa thôn Đông Trại làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1
	Vĩnh Duệ											
	Quang Tiên											
6	Đôn Thu	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đôn Thu với thôn An Vệ thành lập thôn Quang Đức	2	2	0	0	0	0	2	0		Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trong đó dự kiến lấy Nhà Văn hóa thôn An Vệ làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1
	An Vệ											
7	Đông Cầu	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đông Cầu với thôn Đông Hào thành lập thôn Quang Minh Đông	2	2	0	0	0	0	2	0		Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trong đó dự kiến lấy Nhà văn hóa thôn Đông Hào làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1
	Đông Hào											

8	Đỗ Xuyên	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Đỗ Xuyên với thôn Hậu Bồng thành lập thôn Quang Minh	3	2	1	0	0	0	3	0		Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trong đó dự kiến lấy Nhà văn hóa thôn Hậu Bồng làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1	
	Hậu Bồng												
9	Thọ Xương	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Thọ Xương với thôn An Cư 02 thành lập thôn An Thọ	3	2	1				3			Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa, trong đó dự kiến lấy Nhà Văn hóa thôn An Cư 02 làm điểm sinh hoạt văn hóa số 1; 01 khu thể thao để làm khu thể thao của thôn;	
	An Cư 02												
10	An Cư 01	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Đổi tên thành thôn Đức Xương	2	1	1	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa, 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;	
11	Minh Tân	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn Minh Tân	1	1					1			Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;	
12	An Thư	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn An Thư	1	1	0	0	0	0	1	0		Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;	
13	Cao Duệ	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn Cao Duệ	2	1	1	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;	

14	Thị Đức	Không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại. Giữ nguyên tên thôn Thị Đức	2	1	1	0	0	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 01 nhà văn hóa, 01 khu thể thao để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;	
			34	24	10				34				